

Số: 242 /TTr-UBND

An Giang, ngày 20 tháng 5 năm 2019

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH AG

TỜ TRÌNH

ĐẾN

Ngày: 22 / 5 / 2019

Số: 4592

Chuyển:

Lưu Hồ Sơ: TH UBND

Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2019-2020 trên địa bàn tỉnh An Giang

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2019-2020 trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

1. Tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định như sau:

“2. Từ năm học 2016 - 2017 trở đi, học phí được điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo.

3. Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức học phí cụ thể hàng năm phù hợp với thực tế của các vùng trên địa bàn của mình”.

Căn cứ Thông cáo báo chí về tình hình kinh tế - xã hội ngày 27/12/2018 của Tổng Cục Thống kê (thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư), trong đó, thông báo chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2018 **tăng 3,54%** so với bình quân cùng kỳ năm 2017. Theo đó, chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng không cao, nếu điều chỉnh mức thu học phí theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân nêu trên thì mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) cũng chỉ tăng từ 500 đồng đến 6.000 đồng. Mức tăng này không lớn và đã được Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức lấy ý kiến thống nhất không tăng mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) năm học 2019-2020 đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Do đó, để đảm bảo mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) phù hợp với điều kiện kinh tế, khả năng đóng góp thực tế của người dân cũng như không ảnh hưởng đến việc tăng chỉ số giá tiêu dùng của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 11 quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2019-2020 trên địa bàn tỉnh An Giang.

II. Mục đích, quan điểm chỉ đạo

1. Mục đích: Ban hành văn bản mới quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2019-2020 trên địa bàn tỉnh An Giang để phù hợp với điều kiện kinh tế và khả năng đóng góp của người dân.

2. Quan điểm chỉ đạo:

a) Tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

III. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

Thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, Sở Tài chính đã phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2019-2020 trên địa bàn tỉnh An Giang tại kỳ họp lần thứ 11 khóa IX.

Sở Tài chính đã dự thảo Nghị quyết này gửi đến các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố góp ý.

Dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 111/BC-STP ngày 16 tháng 5 năm 2019 về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2018-2019 trên địa bàn tỉnh An Giang.

IV. Bố cục và nội dung cơ bản dự thảo Nghị quyết

1. Bố cục dự thảo Nghị quyết gồm có 3 Điều, gồm:

a) Điều 1. Quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2019-2020 trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Điều 2. Điều khoản thi hành.

c) Điều 3. Hiệu lực thi hành.

2. Nội dung cơ bản quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2019-2020 trên địa bàn tỉnh An Giang theo dự thảo Nghị quyết đính kèm.

Trên đây là Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2019-2020 trên địa bàn tỉnh An Giang, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị. /.

Nơi nhận :

- Như trên ;
- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Các Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- Sở Tài chính, Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu, VT, P.KTTH, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
QUYỀN CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Nguyễn Thanh Bình

Số: /2019/NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng 7 năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2019-2020 trên địa bàn tỉnh An Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu dịch vụ giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2019-2020 trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2019-2020 trên địa bàn tỉnh An Giang, như sau:

1. Mức thu:

Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng

STT	Vùng (địa bàn)	Nhà trẻ	Mẫu giáo bán trú	Mẫu giáo 3, 4 tuổi	Mẫu giáo 5 tuổi	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
1	Các phường thuộc thành phố, thị xã trong tỉnh (thành thị)	120.000	180.000	120.000	60.000	60.000	75.000
2	Các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc huyện trong tỉnh (thành thị)	75.000	135.000	65.000	60.000	60.000	60.000
3	Vùng đồng bằng khác (nông thôn)	40.000	75.000	45.000	0	30.000	30.000
4	Vùng kinh tế xã hội khó khăn (miền núi)	15.000	40.000	20.000	0	20.000	20.000

2. Các cơ sở giáo dục thường xuyên áp dụng mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) tương đương với mức thu dịch vụ giáo dục của các trường phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn tỉnh.

3. Các quy định về không thu dịch vụ giáo dục (học phí), miễn giảm, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế miễn, giảm dịch vụ giáo dục (học phí), hỗ trợ chi phí học tập:

a) Thực hiện theo Điều 6, 7, 8, 9, 10, 11 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ; Điều 1 Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ và Điều 4, 5, 6, 7, 9 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

b) Không phải đóng dịch vụ giáo dục (học phí) đối với phổ cập mẫu giáo 5 tuổi ở vùng nông thôn và vùng kinh tế - xã hội khó khăn.

c) Miễn thu học phí đối với học sinh là người dân tộc Khmer và Chăm trên địa bàn tỉnh.

4. Việc tổ chức thu, quản lý và sử dụng dịch vụ giáo dục (học phí) thực hiện theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015, Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các văn bản hướng dẫn khác (nếu có).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IX, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày tháng năm 2019, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2019 và thay thế Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu học phí giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2018 – 2019 trên địa bàn tỉnh An Giang./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Văn phòng Quốc hội;
- Vụ III-Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Cục kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị, thành;
- Cơ quan Thường trú TTXVN, Báo Nhân dân tại AG;
- Truyền hình Quốc hội tại AG;
- Báo AG, Đài PTTH AG, Website tỉnh An Giang;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu VT, Phòng Tổng hợp-R.

Số: 111 /BC-STP

An Giang, ngày 16 tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1088/STC-HCSN ngày 13 tháng 5 năm 2018 của Sở Tài chính về việc thẩm định dự thảo Tờ trình, Nghị quyết quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Điều 49 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Điều 18 Quy chế xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang được ban hành kèm theo Quyết định số 76/2017/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Sở Tư pháp tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

I. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Nghị quyết quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh An Giang.

II. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Điều 4 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021, quy định:

“Điều 4. Khung học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông

1. Khung học phí đối với các chương trình giáo dục đại trà cấp học mầm non và giáo dục phổ thông công lập năm học 2015 - 2016 được quy định như sau:

Đơn vị: 1.000 đồng/tháng/học sinh

Vùng	Năm học 2015 - 2016
1. Thành thị	Từ 60 đến 300
2. Nông thôn	Từ 30 đến 120
3. Miền núi	Từ 8 đến 60

2. Từ năm học 2016 - 2017 trở đi, học phí được điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo.

3. Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức học phí cụ thể hàng năm phù hợp với thực tế của các vùng trên địa bàn của mình”.

Mặt khác, Khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 quy định:

“Điều 3. Hướng dẫn Khoản 1 Điều 4 và Khoản 1, 2, 3, 4 và 9 Điều 5 Nghị định 86

1. Trên cơ sở khung học phí được quy định tại Khoản 1 Điều 4 và mức trần học phí tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 5 của Nghị định 86, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định mức học phí cụ thể hàng năm (đối với các cơ sở giáo dục do địa phương quản lý) phù hợp với từng vùng, miền; Phù hợp với các cấp học và trình độ đào tạo (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và sau đại học);”.

Khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 27. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”.

Căn cứ theo các quy định trên, việc Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh An Giang là đúng thẩm quyền và cần thiết.

III. Nội dung dự thảo Nghị quyết

Khoản 3 Điều 109 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định:

“Điều 109. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban của Hội đồng nhân dân

3. Giúp Hội đồng nhân dân giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp trong các lĩnh vực phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi phụ trách.”.

- Điểm c Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân quy định:

“Điều 5. Thẩm quyền giám sát của Hội đồng nhân dân

1. *Thẩm quyền giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như sau:*

c) *Ban của Hội đồng nhân dân giúp Hội đồng nhân dân giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Ban phụ trách;*”.

Căn cứ theo quy định trên, đề nghị bỏ Điều 4 của dự thảo.

IV. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Thống nhất theo dự thảo.

V. Dự thảo Tờ trình

Thống nhất theo dự thảo.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Ban Giám đốc Sở (qua email);
- Công thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKT.

GIÁM ĐỐC



Ký bởi: Sở Tư pháp
Email:
sotuphap@angiang.gov.
vn
Cơ quan: Tỉnh An Giang
Thời gian ký: 16.05.2019

Cao Thanh Sơn